TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:56/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 8- 2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Thuận; ông Đinh Văn Tân

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Bùi Văn H - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoàn – Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2021 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số:22/2021/QĐST- HNGĐ ngày 28/7/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị L, sinh năm 1992

Nơi đăng ký HKTT: Thôn 1 , xã T, huyện T1, tỉnh Thanh Hoá.

Nơi ở hiện nay: Thôn S, xã M, huyện T, Thanh Hoá.

Bị đơn: Anh Bùi Văn H, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn 1, xã T, huyện T1, Thanh Hoá.

Tại phiên toà có mặt chị L, vắng mặt anh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11/12/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trương Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn H kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 20/3/2012 tại Uỷ ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã M, huyện T, tỉnh Thanh Hoá. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hoà thuận được một thời gian thì phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ, chồng không hợp, bất đồng nhiều quan điểm sống, vợ, chồng không tin tưởng nhau do đó vợ, chồng thường xuyên cãi nhau. Chị và anh H đã sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Đến nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Văn H, sinh ngày 12/02/2013. Từ khi vợ, chồng ly thân cháu Hưng ở với chị. Khi ly hôn chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hưng và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 1.000.000 đồng cho tới khi cháu Hưng đủ 18 tuổi.

Tại phiên tòa hôm nay chị Trương Thị L vẫn yêu cầu được ly hôn anh Bùi Văn H và rút yêu cầu về yêu cầu anh H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

Về tài sản: Chị L không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập anh Bùi Văn H để nộp bản tự khai và thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H đều vắng mặt không có lí do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụngĐiều 51; Điều 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử cho chị Trương Thị L được ly hôn anh Bùi Văn H. Về con chung: Giao cháu Bùi Văn H, sinh ngày 12/02/2013 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận việc rút yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung của chị L. Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trương Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn đối với anh Bùi Văn H. Anh H cư trú tại huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Nên xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án

Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh H vắng mặt không có lí do, nên tòa án đã tiến hành mở phiên họp vắng mặt anh H và thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh H theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Anh H đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh H đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Anh H cũng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, tòa án xét xử vắng mặt anh H.

[2] Tại phiên tòa chị Trương Thị L rút yêu cầu khởi kiện về yêu cầu anh Bùi Văn H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L. Nghĩ đây là sự tự nguyện của chị L, phù hợp với quy định của pháp luật, nên chấp nhận yêu cầu của chị L và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung của chị L theo quy định tại khoản 2 điều 244 của bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Trương Thị L và anh Bùi Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 20/3/2012 tại UBND xã M, huyện T, tỉnh Thanh Hoá và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ, chồng không tin tưởng lẫn nhau dẫn đến vợ, chồng thường xuyên cãi nhau. Chị L và anh H đã sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay không ai quan tâm đến ai. Điều đó chứng tỏ chị L và anh H đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị L được ly hôn với anh H.

[4] Về con chung: Chị L và anh H có 01 con chung là cháu Bùi Văn H (Giới tính: Nam), sinh ngày 12/02/2013. Từ đầu năm 2021 chị L và anh H sống ly thân, cháu Hưng ở với chị L, được chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Nguyện vọng của chị L muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hưng,cháu Hưng cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Đây là nguyện vọng chính đáng nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho con. Do đó chấp nhận yêu cầu của chị L, giao cháu Bùi Văn H cho chị L trực tiếp nuôi dưỡnglà phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản: Chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 điều 244 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị Trương Thị L đối với anh Bùi Văn H.

2. Về hôn nhân: Xử cho chị Trương Thị L được ly hôn anh Bùi Văn H.

3. Về con chung: Giao cháu Bùi Văn H,(Giới tính:Nam) sinh ngày 12/02/2013 cho chị Trương Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L, không yêu cầu anh Bùi Văn H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Bùi Văn H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

4. Về án phí: Chị Trương Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số AA/2018/0003076 ngày 12/4/2021. Chị Trương Thị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị L, vắng mặt anh H. Chị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã Thành Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa

Bùi Văn Tuấn